

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-06-2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P – Sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: Thôn N, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Nguyễn Vũ Thúy A – Sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn N, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

(Đã bị tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – anh Phạm Văn P trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Vũ Thúy A kết hôn với nhau ngày 07/7/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức cưới, chị A về làm dâu gia đình nhà anh ngay và vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh, không có thời gian ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xuất phát chủ yếu từ việc chị A không muốn sống ở N, Việt Yên mà muốn vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh quê vợ sinh sống. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị A đã

bỏ đi biệt tích từ năm 2004, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh và gia đình đã tìm chị A nhiều lần bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không có thông tin gì của chị A. Tháng 01/2019, Tòa án nhân dân huyện Việt Yên đã ra quyết định tuyên bố chị A mất tích. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Anh Phạm Văn P xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quang T, sinh ngày 13/10/2003. Hiện nay cháu Tuấn đang ở cùng anh và phát triển bình thường. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu T và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh Phạm Văn P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Nguyễn Vũ Thúy A hiện không rõ địa chỉ, đã bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tuyên bố mất tích bằng quyết định số 01/2019/QĐDS – ST ngày 16/01/2019.

Xác minh tại địa phương được biết: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Vũ Thúy A kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2003. Hiện chị A đã bỏ đi từ năm 2004 cho đến nay, địa phương và gia đình không biết chị A đi đâu và làm gì. Nay anh P có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Phạm Văn P vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Về quan hệ vợ chồng anh xin ly hôn chị Nguyễn Vũ Thúy A, về con chung anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quang T, sinh ngày 13/10/2003. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu T, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác anh xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn hiện không có mặt ở địa phương, đã được niêm yết hợp lệ.

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng:

-Khoản 2 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Văn được ly hôn chị Nguyễn Vũ Thúy A.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quang T, sinh ngày 13/10/2003. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P.

Án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Việc khởi kiện của anh Phạm Văn P xin ly hôn chị Nguyễn Vũ Thúy A thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Vũ Thúy A đã bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tuyên bố mất tích, đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Vũ Thúy A có đăng ký kết hôn vào ngày 07/07/2003 tại UBND xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Anh P cũng đã cung cấp được trích lục đăng ký kết hôn ngày 07/7/2003. Như vậy, hôn nhân của anh P và chị A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện chị A đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, không ai biết chị A ở đâu và làm gì. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Vũ Thúy A. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2004 cho đến nay không có tin tức gì cho anh P và gia đình. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Điều đó có thể thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị A đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh P xin ly hôn chị A là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quang T, sinh ngày 13/10/2003. Ly hôn, anh P có nguyện vọng được nuôi con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P nuôi cháu T từ khi còn nhỏ cho đến nay, cháu T có nguyện vọng được ở cùng anh P còn chị An hiện không biết ở đâu, làm gì nên cần giao con chung cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh P xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, anh P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 56; 57; 58; 144 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Phạm Văn P được ly hôn chị Nguyễn Vũ Thúy A.

Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quang T, sinh ngày 13/10/2003. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/05308 ngày 28/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên